

Số: 1381/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 5 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Về công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách và thu khác tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pinăng Tắc, Huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận trong 02 năm (2017 và 2018)

Thực hiện Quyết định số 26/QĐ-STC ngày 01/4/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách và nguồn thu khác tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pi Năng Tắc năm 2017 và năm 2018.

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 34/BC-ĐTT ngày 13/5/2019 của Đoàn Thanh tra về việc thanh tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách và nguồn thu khác tại Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pi Năng Tắc; Ý kiến giải trình của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Tổng quan về đơn vị

Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pinăng Tắc được thành lập theo Quyết định số 705/QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2002 của UBND huyện Bác Ái thuộc phòng Giáo dục Đào tạo huyện Bác Ái, được giao đào tạo cấp Trung học cơ sở;

Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc chuyển Trường PT DTNT Pinăng Tắc từ trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận,

Ngày 21/8/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND giao thêm nhiệm vụ đào tạo liên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Pi Năng Tắc kể từ năm học 2012-2013 và giao cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo và tổ chức hoạt động của Trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Pi Năng Tắc (sau đây gọi tắt là Nhà trường) là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, được giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Nhà trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước huyện Bác Ái; trụ sở đặt tại Thôn Tà Lú 1, xã Phước Đại, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

II. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Về tổ chức: Lãnh đạo Nhà trường gồm có Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng.

Về nhân sự: Biên chế được giao năm 2017, 2018 của Nhà trường là 48 người, trong đó: Cán bộ quản lý 04 người, giáo viên 33 người, nhân viên văn phòng 11 người. Thực tế: Cán bộ quản lý 02 người, giáo viên 32 người, nhân viên văn phòng 10 người.

Ngoài ra, Nhà trường hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, 07 người cấp dưỡng và 02 bảo vệ.

III. Chế độ chính sách về tài chính

Nhà trường thực hiện chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính; từ năm 2018 Nhà trường thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (thay thế Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính).

Công tác tài chính, kế toán: Bộ phận quản lý tài chính của Nhà trường gồm 01 kế toán và 1 thủ quỹ.

Nguồn thu của Nhà trường bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách cấp chi hoạt động thường xuyên (kinh phí tự chủ, kinh phí không tự chủ); nguồn học bổng và các chế độ hỗ trợ khác cho học sinh do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ.

Văn bản áp dụng:

- Đối với giáo viên: Ngoài các chính sách đối với nhà giáo nói chung, giáo viên của Nhà trường được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước theo hướng dẫn tại các Nghị định số 61/2006/NĐ-CP, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP... và một số khoản phụ cấp khác;

- Đối với học sinh: Học sinh được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc;

Năm tài chính của Nhà trường áp dụng theo năm Dương lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Tình hình hoạt động tài chính của đơn vị trong 2 năm

1. Kinh phí thường xuyên, kinh phí không thường xuyên

Đơn vị tính: đồng

ST T	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
I	Kết dư ngân sách năm trước	1.597.567.727	561.517.407
1	Kinh phí tự chủ	1.135.793.888	182.768.439

2	Kinh phí CCTL (tự chủ)	461.773.839	368.316.508
3	Kinh phí không TC (NĐ 116/2010)	-	10.432.460
II	Ngân sách cấp trong năm (kể cả đc, bổ sung)	5.323.433.820	5.265.571.360
1	Kinh phí tự chủ	4.597.980.000	4.368.954.000
	<i>Chi lương, PC, các khoản đóng góp theo lương</i>	3.968.790.000	3.686.410.000
	<i>Chi khác chi hoạt động</i>	566.270.000	591.590.000
	<i>KP thực hiện CCTL cấp bổ sung (NĐ72/2018)</i>	-	25.224.000
	<i>TK 10% từ chi khác thực hiện CCTL</i>	62.920.000	65.730.000
2	Kinh phí không tự chủ	725.453.820	896.617.360
	<i>KP trả chế độ theo NĐ116/2010 cho g.viên</i>	725.453.820	896.617.360
III	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	6.359.484.140	5.745.991.685
1	Kinh phí tự chủ	5.644.462.780	4.869.397.903
	<i>Chi trả chế độ, chi hoạt động</i>	5.488.085.449	4.410.127.395
	<i>Chi thực hiện CCTL</i>	156.377.331	459.270.508
2	Kinh phí không tự chủ	715.021.360	876.593.782
	<i>KP trả chế độ theo NĐ116/2010 cho g.viên</i>	715.021.360	876.593.782
IV	Số còn lại cuối năm	561.517.407	81.097.082
1	Kinh phí tự chủ	182.768.439	50.641.044
	Kinh phí thực hiện CCTL	368.316.508	/
2	Kinh phí không tự chủ	10.432.460	30.456.038
	<i>KP trả chế độ theo NĐ116/2010 cho g.viên</i>	10.432.460	30.456.038

Đối với kinh phí chi trả chế độ theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP cho giáo viên 02 năm với số tiền là 30.456.038 đồng (trong đó: năm 2017: 10.432.460 đồng, năm 2018: 20.023.578 đồng) đến cuối năm nhà trường không còn nhiệm vụ chi được kho bạc nhà nước huyện Bắc ái tự hủy theo quy định.

2. Kinh phí thu, chi học bổng, chi đặc thù

Đơn vị tính: đồng

ST T	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
1	Ngân sách cấp trong năm	6.442.200.000	6.542.580.000
	<i>KP trả học bổng cho HS</i>	5.227.200.000	5.378.880.000
	<i>Kinh phí đặc thù</i>	1.215.000.000	1.163.700.000
2	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	5.841.681.586	6.462.981.576
	<i>KP trả học bổng cho HS</i>	4.758.804.000	5.365.552.000
	<i>Kinh phí đặc thù</i>	640.740.586	639.426.464
	<i>Chi khác từ nguồn KP đặc thù:</i>	442.137.000	458.003.112
	<i>- Chi lương, PC nhân viên cấp dưỡng</i>		271.253.112

	- Chi nhạc cụ dân tộc mã la		17.000.000
	- Đi trải nghiệm trong và ngoài tỉnh		169.750.000
	- Chi sửa chữa, mua sắm TS từ nguồn KP đặc thù	442.137.000	
3	Số còn lại (hủy kinh phí)	600.518.414	79.598.424
	KP trả học bổng cho HS	468.396.000	13.328.000
	Kinh phí đặc thù	132.122.414	66.270.424

II. Nhận xét tình hình hoạt động tài chính đơn vị

Nhận xét chung: Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong công tác kế toán, các sổ sách, chứng từ kế toán ghi chép rõ ràng, đầy đủ; phản ánh nội dung thu, chi cụ thể thuận tiện việc kiểm tra, đối chiếu; Nhà trường xây dựng và thực hiện theo quy chế chi tiêu hàng năm; Nhà trường thực hiện chi trả lương, phụ cấp; các khoản trợ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và các chế độ liên quan cho giáo viên kịp thời đúng quy định.

Nhà trường công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị theo Thông tư số 61/2013/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 15/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế tại Nhà trường vẫn còn một số hạn chế tồn tại như sau:

1. Về xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện. Nhà trường chưa kịp thời bổ sung các quy định đã được thay thế, điều chỉnh, cụ thể chỉ khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Quyết định số 115/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế thi đua, khen thưởng thay thế Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

2. Tình hình quản lý thu, chi:

Qua kiểm tra cho thấy, kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà trường chủ yếu là các khoản chi theo chế độ quy định; nguồn học bổng và các chế độ hỗ trợ khác cho học sinh do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ. Tuy nhiên, qua kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như sau:

2.1. Về chứng từ chi thường xuyên, kinh phí không thường xuyên:

Chứng từ CKKB034, ngày 10/4/2017: Thanh toán tiền mua dụng cụ nhà bếp (lồng bàn đập thức ăn phục vụ học sinh), số tiền: 1.260.000 đồng từ nguồn kinh phí thường xuyên là chưa đúng nguồn.

2.2. Đối với nguồn học bổng:

Học sinh đang theo học tại trường là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC. Hàng năm Sở Giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh đầu năm học để cấp học bổng và nguồn chi đặc thù cho học sinh đủ 12 tháng, nhưng số lượng học sinh trong năm biến động giảm do nghỉ học và số học sinh cuối cấp chỉ được hưởng học bổng theo số tháng thực học, do đó nguồn kinh phí thừa hàng năm rất lớn, năm 2017 thừa 468,396 triệu đồng.

Do đặc thù của nhà trường là học sinh ở nội trú tại trường, chiếm khoảng 85% tổng số học sinh của trường, do đó Nhà trường tổ chức nấu ăn trên cơ sở định mức học bổng hàng tháng của học sinh, sau khi trừ các chi phí, số tiền còn lại chi trả cho học sinh kèm danh sách ký nhận đầy đủ. Qua kiểm tra chứng từ quyết toán chi ăn cho học sinh hàng tháng, nhà trường thực hiện chưa tốt, cụ thể như sau:

a) Năm 2017:

- Có bảng chấm cơm hàng ngày của từng lớp, nhưng việc chấm cơm và thanh toán tiền ăn thì chưa phù hợp với thực tế.

- Đối với các mặt hàng gạo, gas hàng tháng không có hóa đơn mua hàng là không đúng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ. Qua kiểm tra, tổng hợp số lượng sử dụng trong năm 2017 như sau:

+ Gạo: $24.225,4\text{kg} * 10.700\text{đ/kg} = 260.527.230$ đồng (định mức 0,3kg/hs/ngày);

+ Gas: 116 bình, tổng trị giá 157.028.202 đồng.

Theo quy định tại điểm b.1 khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT, thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh thì 2 mặt hàng trên thuộc lĩnh vực ngành nghề phân phối, cung cấp hàng hóa, chịu tỷ lệ thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5%. Như vậy, số tiền thuế phải nộp đối với 2 mặt hàng gạo và gas trong năm 2017 là 6.263.331 đồng (gạo: 3.907.908 đồng, gas: 2.355.423 đồng).

Công tác quản lý tài chính nhà trường thiếu chặt chẽ, thiếu sự phối hợp, chưa mở sổ theo dõi nhập gạo, nhập gas, mua thực phẩm hàng ngày; hợp đồng cung cấp gạo, thực phẩm, ăn sáng chưa quy định chặt chẽ về chất lượng, số lượng, giá cả, phương thức giao nhận hàng hóa, hình thức thanh toán... là chưa phù hợp.

b) Năm 2018

+ Nhà trường chưa có hóa đơn đối với các mặt hàng gạo trong năm 2018 với tổng số tiền 261.301.235 đồng, theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, số tiền thuế phải nộp đối với mặt hàng gạo trong năm 2018 là 3.919.518 đồng.

+ Chưa có phiếu xác nhận thực phẩm tươi sống đi chợ hàng ngày về số lượng, chất lượng, số tiền...

2.3. Đối với nguồn kinh phí chi đặc thù

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC ngày

29/5/2009 cụ thể:

a) Năm 2017

- Hàng năm Nhà trường lập dự toán theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC và được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp kinh phí khoán mức 3 triệu đồng/học sinh/năm học.

Tuy nhiên một số nội dung nhà trường lập dự toán để cấp kinh phí như chi bảo hiểm y tế học sinh 205,821 triệu đồng ($4,5\% \times 1.210.000 \times 12 \text{ tháng} \times 70\% \times 450 \text{ em}$), chi tiền tàu xe 31,5 triệu đồng ($450 \text{ em} \times 70.000 \text{ đ/em}$), chi tết nguyên đán, tết dân tộc 45 triệu đồng ($450 \text{ em} \times 100.000 \text{ đ/em}$), chi mua bổ sung sách giáo khoa 54 triệu đồng ($450 \text{ em} \times 120.000 \text{ đ/em}$), tổng số tiền 336,321 triệu đồng nhưng thực tế nhà trường không chi cho các nội dung này. Ngoài ra, nhà trường xây dựng định mức tiêu thụ điện, nước nội trú cho toàn bộ 450 em học sinh là không phù hợp vì thực tế có khoảng 15% học sinh không ở nội trú tại trường.

Do đó, nguồn kinh phí đặc thù hàng năm còn thừa rất lớn, cho nên nhà trường xin chủ trương của Sở Giáo dục Đào tạo và Sở Tài chính đồng ý để sử dụng vào việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và cho học sinh 2 khối cuối cấp đi tham quan, du lịch, số còn lại hủy tại kho bạc.

- Khoản chi hỗ trợ học phẩm: Học sinh của trường được hỗ trợ mỗi năm 1 lần vào đầu năm học (tháng 8) theo số lượng quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC, nhà trường cũng đã tiến hành mua và cấp phát cho học sinh theo danh sách ký nhận đầy đủ, số tiền 150.688.400 đồng. Tuy nhiên qua kiểm tra chứng từ cho thấy, nhà trường không thực hiện đúng thẩm quyền mua sắm tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh, theo đó hiệu trưởng nhà trường là thủ trưởng đơn vị trực thuộc sở, do đó chỉ có thẩm quyền mua sắm tài sản hàng hóa dịch vụ dưới 100 triệu đồng.

Về thủ tục mua sắm, theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn của nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thì gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa nêu trên phải được thực hiện theo quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn nhưng nhà trường chỉ sử dụng 3 báo giá để thực hiện là không đúng quy định.

Về số lượng cấp phát: theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC về hỗ trợ học phẩm, qua kiểm tra số lượng cấp phát, nhà trường cấp phát thiếu số lượng theo bảng kê sau:

TT	Tên học phẩm	ĐVT	Cấp 2 (245 em)			Cấp 3 (188 em)		
			Định mức	Thực cấp	Số cấp thiếu	Định mức	Thực cấp	Số cấp thiếu
1	Vở trắng	quyển	30	20	10	40	24	16
2	Viết bic	cây	20	12	8	24	12	12
3	Viết chì	cây	2	2	0	3	2	1

4	Bìa vở	cái	12	12	0	15	12	3
---	--------	-----	----	----	---	----	----	---

Như vậy, tổng số học phẩm cấp thiếu cho học sinh số lượng là: Vở 5.458 quyển, viết bic 4.216 cây, viết chì 188 cây, bìa vở 564 cái. Nhà trường giải trình, lý do thấy thực tế cần, nên cấp phát theo đúng nhu cầu sử dụng.

+ Đối với mua sắm đồng phục cho học sinh đầu cấp, nhà trường ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp số lượng 138 bộ trị giá 25,5 triệu đồng, tuy nhiên hợp đồng giữa 2 bên không thể hiện quy cách, chất liệu vải, màu sắc... của đồng phục là thiếu chặt chẽ.

+ Chi tổ chức tham quan cho học sinh cuối cấp: Năm học 2016-2017, từ nguồn kinh phí đặc thù còn thừa, nhà trường xin phép được sử dụng để tổ chức cho học sinh đi tham quan tại Đà Lạt và đã được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Qua kiểm tra chứng từ cho thấy, nhà trường không tiến hành khảo sát giá, không có báo giá mà ban hành quyết định chỉ định Công ty TNHH TMDV Rừng Phương Đông tại huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa là đơn vị tổ chức, thời gian là 01 ngày (đi về trong ngày), chi phí 85,932 triệu đồng (868.000 đồng/em*99 em), như vậy là thiếu chặt chẽ.

b) Năm 2018

- Trong năm kinh phí dư, nhà trường xin chủ trương của Sở Giáo dục Đào tạo và Sở Tài chính đồng ý tại công văn số 3469/STC-QLNS ngày 17/12/2018 về việc thống nhất nội dung chi kinh phí đặc thù của Trường Phổ thông trung học dân tộc nội trú PinăngTắc, số tiền 288.253.112 đồng với nội dung như sau: Chi lương, phụ cấp nhân viên cấp dưỡng: 271.253.112 đồng và chi mua nhạc cụ dân tộc mã la: 17.000.000 đồng.

- Dự toán đầu năm giao chi nghiệp vụ chuyên môn trong nguồn kinh phí đặc thù, số tiền: 544.751.000 đồng. Nhà trường chi không hết, đã xin và được UBND tỉnh đồng ý tại công văn số 5649/UBND-VXNV ngày 28/12/2018, chủ trương cho học sinh các trường Dân tộc nội trú đi học tập trải nghiệm trong và ngoài tỉnh trong đó có trường phổ thông trung học Dân tộc nội trú PiNăngTắc với tổng số tiền: 169.750.000 đồng.

3. Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản:

Nhìn chung, Nhà trường thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản và mở sổ theo dõi tài sản đúng theo quy định, tuy nhiên còn một số Hợp đồng mua sắm, sửa chữa chưa đúng trình tự khi chưa có văn bản đồng ý nguồn vốn cho Nhà trường sử dụng là chưa đúng quy định tại khoản 4, Điều 10 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 53/HĐCC-2017 ngày 23/5/2017 mua TV 55 inch, kệ đẩy TV di động, dây VGA 15m, dây HDMI 15m; Mua Ổn áp Lioa 50KVA; số tiền: 62.390.000 đồng;

- Hợp đồng số 72/HĐCC-2017 ngày 14/6/2017 mua xe đẩy thức ăn, máy tính casio FX, sửa chữa hệ thống đường điện, quạt phòng học sinh; số tiền: 59.600.000 đồng;

- Hợp đồng số 02/HĐSC-2017 ngày 27/11/2017 về Sửa chữa phòng học, bàn ghế học sinh Nhà trường; số tiền: 89.060.000 đồng;

- Hợp đồng số 476/2016/HV2 ngày 05/5/2016 Mua phần mềm trí tuệ E-learning, phần mềm QL NH đề thi trực tuyến intest; số tiền: 40.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 63/HĐMB ngày 05/12/2017 Nệm nhảy thể dục; số tiền: 19.957.000 đồng.

Ngày 25/12/2017, Sở Tài chính có văn bản số 3489/STC-TCHCSN về việc thống nhất sử dụng nguồn kinh phí chi đặc thù cho học sinh dân tộc nội trú để mua sắm bàn ghế, thiết bị dạy học và sửa chữa phòng học.

4. Các khoản thu và sử dụng các quỹ của Nhà trường

(Kèm theo chi tiết thu, chi các quỹ Phụ lục 01, 02, 03)

Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thu, chi các quỹ có lập Biên bản và đề ra Kế hoạch thu giao chỉ tiêu; Các khoản Quỹ thu, đều nộp toàn bộ về Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường, các khoản chi Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường quyết định. cụ thể:

- Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường thực hiện không đúng quy định. Về thu Quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh là chưa đúng khoản 3, Điều 10. Về quản lý quỹ: chưa trích kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là chưa đúng điểm b, khoản 1, Điều 10 và về chi quỹ: chưa đúng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 10.

- Năm học 2018 – 2019, Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành Quyết định số 01/QĐ-BĐDCMHS ngày 01/9/2018 v/v thành lập quỹ hỗ trợ học tập và hoạt động phong trào. Ban đại diện cha mẹ học sinh chuyển số tồn cuối kỳ năm học 2017 – 2018 của Quỹ hội phụ huynh 5.640.916 đồng sang đầu kỳ Hỗ trợ học tập và hoạt động phong trào. Đề ra kế hoạch thu giao chỉ tiêu: 128.000 đ/1hs/năm.

C. KẾT LUẬN:

Nhìn chung, Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong công tác kế toán, các sổ sách, chứng từ kế toán ghi chép rõ ràng, đầy đủ; phản ánh nội dung thu, chi cụ thể thuận tiện việc kiểm tra, đối chiếu; Nhà trường xây dựng và thực hiện theo quy chế chi tiêu hàng năm; Nhà trường thực hiện chi trả lương, phụ cấp; các khoản trợ cấp theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP và các chế độ liên quan cho giáo viên kịp thời đúng quy định. Việc công khai tài chính hàng năm đơn vị có thực hiện.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Nhà trường còn một số tồn tại sau:

1. Về xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ

Nhà trường chưa kịp thời bổ sung các quy định đã được thay thế, điều chỉnh, cụ thể chi khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính

phủ và Quyết định số 115/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế thi đua, khen thưởng thay thế Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

2. Tình hình quản lý thu, chi:

2.1. Đối với nguồn học bổng:

Căn cứ vào số lượng học sinh đầu năm học để cấp học bổng và nguồn chi đặc thù cho học sinh đủ 12 tháng, nhưng số lượng học sinh trong năm biến động giảm do nghỉ học và số học sinh cuối cấp chỉ được hưởng học bổng theo số tháng thực học, do đó nguồn kinh phí thừa hàng năm rất lớn, năm 2017 thừa 468,396 triệu đồng.

Nhà trường tổ chức nấu ăn trên cơ sở định mức học bổng hàng tháng của học sinh. Qua kiểm tra chứng từ quyết toán chi ăn cho học sinh, nhà trường thực hiện chưa tốt, cụ thể như sau:

a) Năm 2017:

- Có bảng chấm cơm hàng ngày của từng lớp, nhưng việc chấm cơm và thanh toán tiền ăn thì chưa phù hợp với thực tế.

- Đối với các mặt hàng gạo, gas hàng tháng không có hóa đơn mua hàng là không đúng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ, như sau:

+ Gạo: 260.527.230 đồng (định mức 0,3kg/hs/ngày);

+ Gas: 157.028.202 đồng.

Theo quy định tại điểm b.1 khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT, thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh thì 2 mặt hàng trên thuộc lĩnh vực ngành nghề phân phối, cung cấp hàng hóa, chịu tỷ lệ thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5%. Như vậy, số tiền thuế phải nộp đối với 2 mặt hàng gạo và gas trong năm 2017 là 6.263.331 đồng (gạo: 3.907.908 đồng, gas: 2.355.423 đồng).

Công tác quản lý tài chính nhà trường thiếu chặt chẽ, thiếu sự phối hợp, chưa mở sổ theo dõi nhập gạo, nhập gas, mua thực phẩm hàng ngày; hợp đồng cung cấp gạo, thực phẩm, ăn sáng chưa quy định chặt chẽ về chất lượng, số lượng, giá cả, phương thức giao nhận hàng hóa, hình thức thanh toán... là chưa phù hợp.

b) Năm 2018

Nhà trường chưa có hóa đơn đối với các mặt hàng gạo trong năm 2018 với tổng số tiền 261.301.235 đồng, theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, số tiền thuế phải nộp đối với mặt hàng gạo trong năm 2018 là 3.919.518 đồng.

2.2. Đối với nguồn kinh phí chi đặc thù

- Nhà trường lập dự toán cấp kinh phí khoán mức 3 triệu đồng/học sinh/năm học.

Tuy nhiên một số nội dung nhà trường lập dự toán để cấp kinh phí như chi bảo hiểm y tế học sinh, chi tiền tàu xe, chi tết nguyên đán, tết dân tộc, chi mua bổ sung sách giáo khoa, nhưng thực tế nhà trường không chi cho các nội dung này. Ngoài ra, nhà trường xây dựng định mức tiêu thụ điện, nước nội trú cho toàn bộ học sinh là không phù hợp vì thực tế có khoảng 15% học sinh không ở nội trú tại trường.

Do đó, nguồn kinh phí đặc thù hàng năm còn thừa rất lớn, cho nên nhà trường xin chủ trương và được đồng ý để sử dụng vào việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và cho học sinh 2 khối cuối cấp đi tham quan, du lịch, số còn lại hủy tại kho bạc.

- Khoản chi hỗ trợ học phẩm: nhà trường đã mua và cấp phát cho học sinh theo danh sách ký nhận đầy đủ. Tuy nhiên qua kiểm tra chứng từ cho thấy, nhà trường không thực hiện đúng thẩm quyền mua sắm tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Về thủ tục mua sắm, nhà trường chỉ sử dụng 3 báo giá để thực hiện là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

Về số lượng cấp phát: học phẩm cấp thiếu cho học sinh theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC về hỗ trợ học phẩm.

- Đối với mua sắm đồng phục cho học sinh đầu cấp, nhà trường ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp, tuy nhiên hợp đồng giữa 2 bên không thể hiện quy cách, chất liệu vải, màu sắc...; tổ chức tham quan cho học sinh cuối cấp: nhà trường không tiến hành khảo sát giá, không có báo giá mà ban hành quyết định chỉ định đơn vị tổ chức, như vậy là thiếu chặt chẽ.

3. Các khoản thu và sử dụng các quỹ của Nhà trường

Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thu, chi các quỹ có lập Biên bản và đề ra Kế hoạch thu giao chỉ tiêu; Các khoản Quỹ thu, đều nộp toàn bộ về Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường, các khoản chi Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường quyết định, cụ thể:

- Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh Nhà trường thực hiện không đúng quy định như sau:

+ Về thu, chi: Quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh là chưa đúng khoản 3, Điều 10 và chi quỹ: chưa đúng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 10.

+ Về quản lý quỹ: chưa trích kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là chưa đúng điểm b, khoản 1, Điều 10.

- Năm học 2018 – 2019, Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thành lập quỹ hỗ trợ học tập và hoạt động phong trào. Đề ra kế hoạch thu giao chỉ tiêu: 128.000 đ/1hs/năm.

(Kèm theo chi tiết thu, chi các quỹ Phụ lục 01, 02, 03)

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Nhà trường

1. Xử lý về tài chính

Đề nghị nộp vào tài khoản tạm giữ Sở Tài chính, số tiền: 10.182.849 đồng (Thuế GTGT, thuế TNCN năm 2017 và năm 2018)

2. Xử lý khác, đề nghị Nhà trường khắc phục và thực hiện như sau:

2.1. Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, sử dụng hóa đơn chứng từ theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; kiểm tra chứng từ kế toán trước khi thanh toán, tài liệu kế toán đầy đủ theo quy định;

2.2. Cấp phát hỗ trợ học phẩm đúng số lượng theo khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD-BTC; Quản lý chặt chẽ việc mua thực phẩm hàng ngày cho học sinh về số lượng, chất lượng, giá cả..., mở các loại sổ theo dõi nhập, xuất gạo, gas nấu bếp theo quy định;

2.3. Xây dựng lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2.4. Sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ về chế độ chi khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Quyết định số 115/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế thi đua, khen thưởng;

2.5. Rút kinh nghiệm và thực hiện thu, chi các Quỹ đúng quy định pháp luật;

2.6. Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm tổ chức và các cá nhân có liên quan đến nội dung nêu trên.

II. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Hàng năm kiểm tra quyết toán các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các trường nội trú chấn chỉnh công tác sử dụng hóa đơn chứng từ, mở sổ theo dõi mua bán các loại hàng hóa, thực phẩm, gạo, gas...; Việc cấp dự toán kinh phí học bổng và chi đặc thù cho học sinh hàng năm cần lưu ý số học sinh cuối cấp; thu và chi các Quỹ.

2. Căn cứ những vi phạm đã nêu trên trong công tác quản lý, sử dụng tài chính tại Nhà trường, đề nghị Sở tổ chức họp và rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

3. Căn cứ Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ Quy định về thực hiện kết luận thanh tra để chỉ đạo Nhà trường thực hiện.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Pi Năng Tắc, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Nhà trường theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính

phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; Báo cáo
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trường PT DTNT Pi Năng Tác;
- Phòng QLNS - Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, HSTT. TTV



Nguyễn Văn Trường

(Kèm Kết luận số /KL-STC ngày /5/2019 của Đoàn Thanh tra)

Năm học	Thời gian	Đơn vị
2016-2017	21/8/2016-31/5/2017	
A	Quý Hội cha, mẹ học sinh	
I	TỔNG THU	88.038.000
1	Tôn đầu kỳ	21.188.000
2	Thu	66.850.000
	Thu 411 em*150.000đ/em	61.650.000
	Thu tiền ôn tập khối 12 thi TN (52 em x 100.000đ)	5.200.000
II	Chi	84.915.100
1	Tiền nước hợp phụ huynh các lớp	1.400.000
2	Làm bể nước cho học sinh	7.520.000
3	Mua chậu trồng cây cảnh khuôn viên trường	2.000.000
4	Tiền trao quà thấp sáng niềm tin	1.257.000
5	Thuê xe chở hs tham gia tư vấn hướng nghiệp	3.500.000
6	Tiền trang phục tham gia hội trại 26/3/2017	960.000
7	Hỗ trợ hs bị bệnh lớp 6A1 (em Vương)	600.000
8	Hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục	67.678.100
a	Tiền ủng hộ 20/11/2016 cho CBVC	6.000.000
b	Tiền ôn tập HS khối 12 thi TN 2015-2016	21.850.000
c	Tiền ôn tập HS khối 12 thi TN 2016-2017	26.350.000
d	Tiền phụ đạo HKII 2016-2017	1.678.100
đ	Tiền ôn tập hs khối 9	9.400.000
e	Hỗ trợ Hội đồng thi TN 2016-2017	2.400.000
III	Tôn cuối kỳ	3.122.900
B	Quý Khuyến học	
I	TỔNG THU	22.265.900
1	Tôn đầu kỳ	1.715.900
2	Thu	20.550.000
	Thu 411 em*50.000đ/em	20.550.000
II	Chi	22.265.900
1	Hỗ trợ hs bị bệnh (em Minh)	500.000
2	Chi tiền mua giấy khen HKI 2016-2017	1.032.000
3	Chi tiền phụ đạo HKI 2016-2017	9.750.000
4	Mua sách Bác Hồ và những bài học về đạo đức	112.000
5	HS tham gia kỳ thi hs giỏi 2016-2017	610.000
6	HS tham gia dự kỳ thi tin học trẻ	240.000
7	Chi tiền phụ đạo HKII 2016-2017	10.021.900
III	Tôn cuối kỳ	

(Kèm Kết luận số /KL-STC ngày /5/2019 của Đoàn Thanh tra)

Phụ lục 2

Năm học	Thời gian	Số tiền
2017-2018	21/8/2017-31/5/2018	
A	Quý Hội cha, mẹ học sinh	
I	TỔNG THU	106.272.916
1	Tồn đầu kỳ	3.122.900
2	Thu	103.150.016
	Thu 431em*150.000đ/em	64.650.000
	Thu tiền ôn tập khối 10 thi TN (47em x 252.128đ)	11.850.016
	Thu tiền ôn tập khối 12 thi TN (52em x 512.500đ)	26.650.000
II	Chi	100.632.000
1	Tiền nước hợp phụ huynh các lớp	2.100.000
2	Hỗ trợ em Đarúi Khả Linh 8A1 tham gia liên hoan tại Hà Nội	2.000.000
3	Thưởng hs đầu ĐH 2016-2017	500.000
4	Hỗ trợ tổ chức Lễ tổng kết 2016-2017	2.470.000
5	Hỗ trợ mua ván ép giường cho hs	6.000.000
6	Hỗ trợ HS khối 12 thi TN 2016-2017 tại Bắc Ái	2.850.000
7	Thay lõi lọc nước hs	140.000
8	Hỗ trợ hs tham gia hội khỏe phù đồng 2018	1.200.000
9	Hỗ trợ hs tham gia thi HSG 2017-2018	625.000
10	Hỗ trợ hs tham gia hội trại 26/3/2018	980.000
11	Hỗ trợ HS khối 12 thi TN 2017-2018	3.000.000
12	Hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục	78.767.000
a	- Tiền phụ đạo HKI 2017-2018	15.100.000
b	- ôn tập HS khối 9 thi tuyển vào lớp 10 2017-2018	11.850.000
c	- ôn tập HS khối 12 thi THPT 2017-2018	30.650.000
d	- Tiền phụ đạo HKII 2017-2018	8.667.000
đ	- Hỗ trợ Hội nghị CBVC 2017-2018	950.000
e	- Hỗ trợ mua quà 20/11/2017 cho CBVC	11.550.000
III	Tồn cuối kỳ	5.640.916
B	Quý Khuyến học	
I	TỔNG THU	21.550.000
1	Tồn đầu kỳ	-
2	Thu	21.550.000
	Thu 431em*50.000đ/em	21.550.000
II	Chi	21.550.000
1	Khen thưởng cá nhân đạt thành tích trong hè 2016-2017	1.900.000
2	Khen thưởng hs và giáo viên đạt thành tích cao trong đợt thi đua 20/11/2017	1.100.000
3	Hỗ trợ hs tham gia Hội thi tuổi trẻ học đường 2017	1.600.000
4	Khen thưởng tập thể và cá nhân đạt thành tích trong HKI 2017-2018	2.707.000
5	Tổ chức trải nghiệm thực tế K11 tại nhà máy thủy điện Đa Nhiêm	4.610.000
6	HS tham gia kỳ thi chỉ huy giỏi cấp tỉnh, tin học trẻ	1.000.000
7	Chi tiền phụ đạo HKII 2017-2018	8.633.000
III	Tồn cuối kỳ	-

(Kèm Kết luận số /KL-STC ngày /5/2019 của Đoàn Thanh tra)

Năm học	Thời gian	Số tiền
2018-2019	21/8/2018-31/5/2019	
	Chưa có QT, bản chi đến hiện tại 12/4/2019	
A	Quý Hội Phụ huynh	
I	TỔNG THU	9.790.000
1	Tồn đầu kỳ	-
2	Thu	9.790.000
	Thu 445em*22.000đ/em	9.790.000
II	CHI	-
III	Tồn cuối kỳ	9.790.000
B	Hỗ trợ học tập và hoạt động phong trào hs trong trường	
I	TỔNG THU	62.600.916
1	Tồn đầu kỳ	5.640.916
2	Thu	56.960.000
	Thu 445em*128.000đ/em	56.960.000
II	CHI	17.900.000
1	Hỗ trợ các lớp mua giống, phân trồng rau	1.000.000
2	Hỗ trợ đổ cát sân bóng đá cho hs	700.000
3	Khen thưởng hs học kỳ I 2018-2019	900.000
4	Hỗ trợ tọa đàm, văn nghệ chào mừng 20/11/2018	11.000.000
5	Hỗ trợ hs tham gia ctrình TV mùa thi	3.300.000
6	Hỗ trợ hs tham gia văn hóa dân gian tại trường Nguyễn Du	600.000
7	Hỗ trợ hs tham dự cuộc thi trí tuệ anthena	400.000
III	Tồn	44.700.916

C	Quý Khuyến học	
I	TỔNG THU	22.250.000
1	Tồn đầu kỳ	-
2	Thu	22.250.000
	Thu 445em*50.000đ/em	22.250.000
II	Chi	8.217.500
1	Nước họp phụ huynh các lớp đầu năm	2.800.000
2	khen thưởng hs đạt thành tích 2017-2018	567.500
3	Tham dự hội thi tuổi trẻ học đường và Pháp luật	1.700.000
4	Khen thưởng hs đạt thành tích HKI 2018-2019	1.575.000
5	Hỗ trợ hs đi thi hs giỏi 2018-2019	625.000
6	Khen thưởng GV có thành tích XS trong chuyên môn dạy và học 2017-2018	950.000
III	Tồn	14.032.500